

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/3/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Thị Tố Loan;

2. Bà Lê Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 618/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ B, khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ B, khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:*

Vào năm 2003, chị và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, anh L thường đánh đập chị. Chị đã cho anh L nhiều cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L không thay

đôi. Từ tháng 6/2022, vợ chồng ly thân cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con là: Cháu Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/02/2005; Lê Nguyễn Thảo H1, sinh ngày 21/02/2005; Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/9/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T1 và cháu H2, không yêu cầu anh L cấp dưỡng con. Riêng cháu Minh H và Thảo H1 hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:*

Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung, riêng mâu thuẫn vợ chồng thì trước đó, anh có đánh chị T gây thương tích và chị T cũng có đánh anh. Tháng 4/2022, chị T có đi nuôi mẹ vợ hơn 01 tháng, anh bức tức nên có nói chị T đi được thì đi luôn và chị T bỏ đi cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu giao cháu Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/9/2017 chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T. Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Lê Văn L. Giao cháu Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/9/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận và về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện ly hôn với anh Lê Văn L. Anh L có nơi cư trú tại tổ B, khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, anh L thường hay đánh đập chị T nên chị T yêu cầu ly hôn với L.

Xét yêu cầu của chị T nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L là có thật, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả, bản thân anh L muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 04 người con là: Cháu Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/02/2005; Lê Nguyễn Thảo H1, sinh ngày 21/02/2005; Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/9/2017. Khi ly hôn, chị T và anh L thống nhất giao cháu T1 và cháu H2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên không xem xét. Tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T, anh L khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T. Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/9/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh L khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006166 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- UBND xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Kiệt

